

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 21/2018/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 11 - 2018
“V/v ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Trần Đức Liên;

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Thu H (tức Vũ Thị H), sinh năm 1974;

Địa chỉ: Đội 12, thôn Thận, xã Yên N, huyện Duy T, tỉnh Hà N.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Đội 12, thôn Thận, xã Yên N, huyện Duy T, tỉnh Hà N.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn, chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Vũ Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Đội 12, thôn Thận, xã Yên N, huyện Duy T, tỉnh Hà N trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/1994 tại UBND xã Yên N, huyện Duy T. Sau ngày cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do T mắc nghiện ma túy nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Vợ chồng đã sống ly thân

gần 10 năm nay, có thời gian chị đã bỏ đi làm ăn xa khoảng 06 năm, muốn trở về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ được một thời gian ngắn, nhưng vợ chồng lại xảy ra xô sát, anh T có lần còn dùng dao đe dọa, uy hiếp chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

* Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh xác nhận về điều kiện và thủ tục kết hôn giữa anh và chị Vũ Thị Thu H như chị H đã trình bày với Tòa án. Sau ngày cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi cùng người đàn ông khác trong khoảng thời gian 06 năm, sau đó chị H trở về nhà cùng chồng con nhưng do chị H thấy xấu hổ với gia đình nên làm đơn ly hôn anh. Năm 2016, anh vi phạm pháp luật bị đi cải tạo trong Trại giam 22 tháng. Sau khi anh được ra trại, bản thân anh cũng đã chủ động điều chỉnh lối sống, sinh hoạt để tìm sự hòa hợp, được gia đình khuyên can, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay xong anh vẫn quan tâm đến chị H. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Chị H, anh T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là: Vũ Tiến Th, sinh ngày 08/10/1994 và Vũ Thị D, sinh ngày 25/7/2002. Hiện nay cháu Th đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên cả hai cùng không đề nghị Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu D bị bệnh bại não bẩm sinh, mọi sinh hoạt phụ thuộc sự giúp đỡ của các thành viên trong gia đình nên khi ly hôn anh T, chị H thống nhất để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ cho đến khi cháu D tự lập được. Tại phiên tòa chị H cho rằng anh T nghiện ma túy, thu nhập không ổn định nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung; công sức và công nợ của vợ chồng: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Duy Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử lý hôn giữa chị H và anh T; giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị D. Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, do chị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét; về án phí HNGĐ sơ thẩm chị H chịu 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Vũ Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Vũ Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Thu H (tức Vũ Thị H) và anh Vũ Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên N, huyện Duy T, tỉnh Hà N vào ngày 21/01/1994 trên cơ sở tự nguyện là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] *Về tình trạng hôn nhân*: Sau ngày cưới, vợ chồng chị H anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy chị H và anh T mỗi bên nêu ra nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng có khác nhau. Song cả hai cùng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Quan điểm của anh T không muốn ly hôn nhưng anh T cũng không đưa ra biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn giữa hai người để chị H rút đơn về đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài tình trạng sống ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] *Về con chung*: Chị H, anh T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là: Vũ Tiến Th, sinh ngày 08/10/1994 và Vũ Thị D, sinh ngày 25/7/2002. Hiện tại cháu Th đã đủ 18 tuổi, trưởng thành phát triển bình thường và có cuộc sống tự lập. Riêng đối với cháu Vũ Thị D đang bị bệnh bại não bẩm sinh và có cuộc sống phụ thuộc vào người khác (được hưởng trợ cấp xã hội của Nhà nước). Khi ly hôn quan điểm của chị H, anh T để chị H nuôi cháu D; về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy cháu D là nữ chưa đủ 18 tuổi và bị bệnh, cần sự chăm sóc của người mẹ, việc chị H, anh T đã thống nhất giao cháu D cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điều kiện thực tế hiện tại của anh chị hiện nay. Do vậy, để bảo đảm ổn định cuộc sống và sự phát triển tốt nhất của cháu D, HĐXX cần giao cháu D cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Các đương sự cùng không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Thu H (tức Vũ Thị H) và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị D, sinh ngày 25/7/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H. Các bên được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Chị H và thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn là chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị H được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị H đã nộp theo biên lai số AA/2015/0000315 ngày 09/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy T, tỉnh Hà N.

Báo cho chị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND huyện Duy Tiên.
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên.
- UBND xã Yên Nam;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải